

# CẤU TRÚC NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ, TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỒNG ĐẲNG Ở HỌC SINH TRONG DẠY HỌC TẠI TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

NGUYỄN THỊ DUNG\*

Ngày nhận bài: 03/08/2016; ngày sửa chữa: 10/10/2016; ngày duyệt đăng: 13/10/2016.

**Abstract:** This article proposes structure of student's assessment capacity, self and peer-assessment capacity in teaching at High School, thereby builds a process of self and peer assessment and necessary competences in order to improve student's learning quality. In addition, to realize the process, students must have basic skills, including self-assessment capacities and skills of peer-assessment.

**Keywords:** Capacity, assessment, self-assessment, peer-assessment, self-assessment capacity, peer-assessment capacity.

Mô hình phát triển năng lực (NL) tạo cho người học chủ động lĩnh hội tri thức thông qua tự học, tự nghiên cứu và vận dụng tri thức vào thực tiễn cuộc sống xã hội ngay từ lúc còn ngồi trên ghế nhà trường. Để đạt được mục tiêu đó, giáo viên (GV) cần rèn luyện cho học sinh (HS) các NL cần thiết để các em làm chủ bản thân, trong đó quan trọng là NL tự đánh giá (TĐG) và đánh giá đồng đẳng (ĐGĐĐ). Mỗi GV cần có hiểu biết đầy đủ về hệ thống kĩ năng (KN) cấu thành NL này và phải có kiến thức cơ bản về biểu hiện của từng KN ở mỗi HS. TĐG và ĐGĐĐ là hai NL quan trọng tạo nên NL và nhân cách cho HS.

## 1. Một số khái niệm

**1.1. Năng lực.** "NL là sự tích hợp các KN tác động một cách tự nhiên lên các nội dung trong một loại tình huống cho trước để giải quyết những vấn đề do tình huống này đặt ra" [1; tr 91]. Như vậy, NL là tập hợp các KN cấu thành trong quá trình giải quyết một vấn đề thực tiễn nhằm rèn luyện cho HS một NL nào đó trong một tình huống có thực.

Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể sau năm 2015 của Việt Nam chia NL thành 2 nhóm đó là: 8 NL chung và các NL chuyên biệt cho từng môn học [2; tr 9-10].

**1.2. Đánh giá (ĐG).** "ĐG là một quá trình có chủ đích, có hệ thống, dựa trên những tiêu chí tường minh và hướng về việc ra quyết định" [1; tr 145].

Như vậy có thể nói, ĐG là quá trình thu thập, tổng hợp, diễn giải thông tin về đối tượng cần ĐG để xác định mức độ đạt được các mục tiêu dạy học, đưa ra

quyết định tác động vào quá trình dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục.

**1.3. Tự ĐG ở HS.** TĐG là quá trình người học tự xem xét có phê bình, tự ghi nhận chuyển biến và tự đề xuất mức độ, điểm cho quá trình học của bản thân" [3; tr 4].

Như vậy, TĐG là một quá trình, trong đó HS phản ánh và ĐG chất lượng việc học tập của mình, ĐG mức độ mà họ thể hiện các mục tiêu và các tiêu chí học tập được quy định rõ ràng, xác định điểm mạnh và điểm yếu của bản thân, từ đó điều chỉnh việc học cho phù hợp.

Có thể thấy, TĐG như một công cụ ĐG hình thành, cho phép mỗi HS có được thông tin phản hồi về công việc của mình.

Qua nghiên cứu của nhiều tác giả trong và ngoài nước, chúng tôi nhận thấy, TĐG là mức độ phát triển cao của tự ý thức, là quá trình HS xem xét, nhận định về công việc của mình dựa trên bằng chứng và tiêu chí rõ ràng; tìm ra điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cải thiện thực trạng nâng cao hiệu quả học tập trong tương lai. Việc thực hiện TĐG của HS trong học tập là một biện pháp kĩ thuật quan trọng làm tăng cường động lực nội tại của mỗi HS, nâng cao thành tích học tập và tự học có hiệu quả.

**1.4. ĐGĐĐ** là quá trình mà các cá nhân trong nhóm ĐG bạn học của mình. Hình thức ĐG này có thể dựa theo cuộc thảo luận trước đó hoặc thỏa

\* Trường Trung học phổ thông Hoàng Hóa 2, Thanh Hóa

thuận dựa trên các tiêu chí ĐG. Nó có thể liên quan đến việc sử dụng các công cụ ĐG hoặc danh sách kiểm tra đã được thiết kế sẵn bởi các GV trước khi thực hành ĐGĐĐ, hoặc được thiết kế bởi chính nhóm các HS sử dụng để đáp ứng nhu cầu ĐG cụ thể của họ.

Trong quá trình ĐG, các cá nhân xem xét số lượng, mức độ, giá trị, phẩm chất, chất lượng, sự thành công của các sản phẩm hoặc kết quả học tập của các bạn cùng học trong điều kiện như nhau.

Như vậy, có thể hiểu, ĐGĐĐ ở HS là quá trình HS theo dõi, nhận định về số lượng, mức độ, giá trị, phẩm chất, chất lượng, sự thành công hoặc hiệu quả sản phẩm học tập của bạn học trong cùng điều kiện so với tiêu chuẩn xác định, cung cấp thông tin phản hồi nhằm nâng cao hiệu quả quá trình học tập.

## **2. Cấu trúc năng lực ĐG, TĐG và ĐGĐĐ ở HS trong dạy học**

**2.1. Năng lực ĐG ở HS.** Dưới góc độ rèn luyện NL cho HS thì NL ĐG ở HS là khả năng, thao tác hành động khi tiến hành xem xét, nhận định về sự tiến bộ của bản thân, của bạn học về kiến thức, KN, thái độ để có những thông tin phản hồi giúp người học và người dạy điều chỉnh, nâng cao hiệu quả học tập trong tương lai.

NL ĐG kết quả học tập của HS gồm các KN thành phần sau: 1) KN xác định mục đích ĐG (Xác nhận thành tích học tập của bản thân, của bạn học về các mục tiêu kiến thức, KN, thái độ thuộc lĩnh vực nào đó); 2) KN xác định tiêu chuẩn, tiêu chí để ĐG (Sau khi xác định mục đích, cần đưa ra các tiêu chuẩn, tiêu chí phản ánh các mục tiêu đó. Tiêu chuẩn ĐG là mức độ yêu cầu và điều kiện mà HS phải đáp ứng để được công nhận đạt mục tiêu học tập. Trên cơ sở các tiêu chuẩn ĐG đã được xác định, HS phải cụ thể hóa các tiêu chuẩn dưới dạng các tiêu chí ĐG. Tiêu chí là những hành động hoặc những khía cạnh cụ thể để minh chứng sẽ đạt tới chuẩn. Để ĐG mức độ làm chủ NL, chúng ta cần định ra các tiêu chí. Cái khó là tìm ra các tiêu chí tốt, nghĩa là cho phép đạt được các mục tiêu đề ra); 3) KN lựa chọn hoặc xây dựng bộ công cụ ĐG phù hợp để thu thập thông tin (yêu cầu bộ công cụ cần chính xác, khoa học, dễ sử dụng phù hợp với mục đích ĐG); 4) KN thu thập thông tin, phân tích, xử lý số liệu (Đây là KN quan trọng để có được những thông tin khách quan, đúng, phù hợp nhằm đưa ra quyết định); 5) KN ra quyết định (Nhằm xác định giá trị, mức độ đạt được ban đầu và có quyết định

chính xác điều chỉnh việc học về nội dung, phương pháp, thời gian; điều chỉnh về hình thức cho phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả việc học).

**2.2. Năng lực TĐG ở HS.** NL TĐG ở HS là khả năng, thao tác hành động khi tiến hành theo dõi, nhận định về hiệu quả quá trình học tập của bản thân so với tiêu chuẩn đã xác định; chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu của bản thân; từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả học tập.

Cấu trúc NL TĐG ở HS gồm 5 thành tố sau: Xác định mục đích TĐG; xác định tiêu chí TĐG phù hợp với nội dung; lựa chọn/xây dựng các công cụ TĐG phù hợp với tiêu chí; thu thập, xử lý thông tin để xác định điểm yếu, điểm mạnh của bản thân; ra quyết định để điều chỉnh việc học bằng các biện pháp tác động phù hợp. Để có NL này, GV cần phải rèn luyện cho HS, từ đó dần dần HS làm chủ được quá trình ĐG bản thân và ĐG bạn một cách khách quan khoa học.

Trên cơ sở các KN thành phần của NL TĐG, chúng tôi đề xuất biểu hiện mỗi KN của NL TĐG ở HS (xem bảng 1 trang bên).

**2.3. Năng lực ĐGĐĐ.** NL ĐGĐĐ ở HS là khả năng, thao tác hành động đáp ứng yêu cầu/nhiệm vụ khi tiến hành theo dõi, nhận định về hiệu quả quá trình học tập của bạn cùng học so với các tiêu chuẩn đã xác định, trong điều kiện cụ thể trên cơ sở đó rút kinh nghiệm cho bản thân, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả học tập cho tương lai.

Cấu trúc NL ĐGĐĐ ở HS gồm 5 thành tố là các KN: Xác định mục đích ĐGĐĐ; Xác định tiêu chí ĐGĐĐ; Lựa chọn/xây dựng các công cụ ĐGĐĐ phù hợp; Thực hiện ĐG, thu thập, xử lý thông tin, tạo thông tin phản hồi phù hợp; Ra quyết định, rút ra bài kinh nghiệm và đề xuất biện pháp khắc phục.

Trên cơ sở các KN thành phần của NL ĐGĐĐ, chúng tôi đề xuất biểu hiện mỗi KN của NL ĐGĐĐ ở HS (xem bảng 2 trang bên).

\*\*\*

Trong thực tế dạy học, GV không thể có đủ thời gian để tiết học nào cũng làm bài kiểm tra. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là GV không cần biết HS có đạt được các yêu cầu tối thiểu hay không. Chính vì lẽ đó, GV cần phải biết kết hợp, sử dụng nhiều phương pháp ĐG khác nhau, đặc biệt là TĐG và ĐGĐĐ của HS để chia sẻ trách nhiệm, gánh nặng ĐG đối với GV. Để làm được việc này, GV cần hướng dẫn HS có các NL TĐG và ĐGĐĐ bằng các thao tác cơ bản dựa trên các KN cần

**Bảng 1. Biểu hiện của các KN thành phần trong cấu trúc NL TĐG ở HS**

Kĩ năng	Biểu hiện
<i>Xác định mục đích TĐG</i>	TĐG để xác nhận kết quả học tập của bản thân về các mục tiêu học tập: kiến thức, KN, thái độ thuộc lĩnh vực nào đó. Nhằm phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu và xem xét NL của bản thân, đưa ra định hướng điều chỉnh cho phù hợp để nâng cao hiệu quả học tập.
<i>Xác định tiêu chuẩn, tiêu chí TĐG phù hợp với nội dung</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định những tiêu chuẩn và tiêu chí là một thành tố TĐG có tính quyết định, là cơ sở nền tảng cho công việc TĐG, cho biết kết quả TĐG có đáng tin cậy, có hiệu quả và quan trọng hay không.</li> <li>- Xác định đúng các tiêu chuẩn, tiêu chí TĐG là cơ sở để HS biết mình phải làm những gì và làm như thế nào để tạo đủ bằng chứng chứng tỏ mình đã đạt được mục tiêu học tập.</li> <li>- KN này giúp cho HS lựa chọn hoặc thiết kế được tiêu chuẩn, tiêu chí đúng, cụ thể, rõ ràng phù hợp với mục đích TĐG, mục tiêu học tập, đảm bảo được các yêu cầu cơ bản: tính đầy đủ; tính độc lập tương đối; tính lượng giá được. Ví dụ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tiêu chí TĐG nội dung: nội dung đầy đủ, chính xác, khoa học, biết vận dụng kiến thức Sinh học để giải thích các hiện tượng thực tiễn liên quan.</li> <li>+ Tiêu chí TĐG tinh tích cực: tham gia đầy đủ, nhiệt tình các hoạt động nhóm, thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập đề ra.</li> <li>+ Tiêu chí TĐG tinh hợp tác: luôn biết lắng nghe ý kiến của người khác, quan tâm, giúp đỡ bạn</li> <li>+ Tiêu chí TĐG tinh sáng tạo: đưa ra được phương án giải quyết nhiệm vụ học tập một cách hợp lý, đề xuất phương án thực hành thí nghiệm hiệu quả...</li> <li>+ Tiêu chí TĐG tinh tự lực: độc lập làm việc trong khi thực hiện các nhiệm vụ học tập có trách nhiệm cao</li> </ul> </li> <li>- Trong TĐG, ban đầu các tiêu chuẩn và tiêu chí là do GV thiết lập, khi HS đạt ở mức thành thạo sẽ tự xác định tiêu chuẩn và các tiêu chí tương ứng để lựa chọn hoặc xây dựng công cụ TĐG phù hợp.</li> </ul>
<i>Lựa chọn/xây dựng các công cụ TĐG phù hợp với tiêu chí</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS tham gia lựa chọn những loại công cụ khác nhau như câu hỏi, bài tập, bảng hỏi, bảng kiểm (rubrics), checklist... phù hợp mục đích TĐG cụ thể dựa trên tiêu chuẩn, tiêu chí TĐG đã được xác định.</li> <li>+ Lựa chọn có hệ thống câu hỏi, bài tập, bài báo cáo, thang đo định lượng... cho TĐG về mức độ lĩnh hội kiến thức tùy thuộc nội dung;</li> <li>+ Lựa chọn checklist, rubrics, thang đo định tính... để xác định KN, thái độ của bản thân đối với hoạt động học tập.</li> <li>- HS tự xây dựng các công cụ TĐG phù hợp với mục đích TĐG.</li> </ul>
<i>Thu thập, xử lý thông tin để xác định điểm yếu, điểm mạnh của bản thân</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia vào các hoạt động học tập để thu thập thông tin làm cơ sở cho việc TĐG: làm bài kiểm tra, hoạt động nhóm, thực hành thí nghiệm, thuyết trình, tự học trên lớp hay ở nhà...</li> <li>- Tìm kiếm, lựa chọn các thông tin từ các dữ liệu phù hợp với mục đích TĐG. Nguồn dữ liệu: diễn biến hoạt động học tập, kết quả học tập, hồ sơ học tập, thông tin từ bạn học, thông tin từ thầy cô...</li> <li>- Đối chiếu thông tin thu được với chuẩn đã xác định.</li> <li>+ Dùng công cụ là thang đo định lượng để đối chiếu các thông tin sự kiện (trình độ, mức độ lĩnh hội kiến thức của bản thân);</li> <li>+ Dùng các công cụ như thang đo định tính, phiếu hỏi, checklist, rubrics để đối chiếu với các kết quả đạt được về KN, thái độ;</li> <li>+ Xác định mức độ đạt được (tức là mức thể hiện NL trong một tình huống TĐG) của các tiêu chí TĐG.</li> <li>- So sánh thông tin thu thập về bản thân với các tiêu chuẩn:</li> <li>+ Xác định hạn chế của bản thân;</li> <li>+ Xác định điểm mạnh của bản thân;</li> <li>+ Xác định những khó khăn bản thân mắc phải.</li> <li>- Xác định những tác động gây ra, nguyên nhân hạn chế và khó khăn.</li> <li>- Nhận định chính xác, khách quan, công bằng thực trạng quá trình học tập của bản thân so với tiêu chuẩn.</li> </ul>
<i>Ra quyết định để điều chỉnh việc học bằng các biện pháp tác động phù hợp</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất các biện pháp cụ thể điều chỉnh hoạt động học của bản thân ngày càng tiến bộ:</li> <li>+ Xác định khắc phục điểm yếu, những khó khăn bản thân mắc phải;</li> <li>+ Xác định cách phát huy điểm mạnh;</li> <li>+ Vạch kế hoạch để nâng cao chất lượng học tập trong tương lai.</li> </ul>

**Bảng 2. Biểu hiện của các KN thành phần trong cấu trúc NL ĐGĐĐ ở HS**

Kĩ năng	Biểu hiện
<i>Xác định mục đích ĐGĐĐ</i>	ĐGĐĐ để xác nhận kết quả học tập của bạn học về các mục tiêu học tập: kiến thức, KN, thái độ thuộc lĩnh vực nào đó; phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu và xem xét NL của bạn học; đưa ra thông tin phản hồi phù hợp, kịp thời; rút kinh nghiệm cho bản thân người ĐG, điều chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả học tập.
<i>Xác định tiêu chuẩn, tiêu chí ĐGĐĐ</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định đúng các tiêu chuẩn, tiêu chí ĐG là cơ sở để HS đối chiếu, xem xét, ra quyết định về bạn học của mình có đạt hay không đạt mục tiêu học tập đã đề ra.</li> <li>- KN này giúp cho HS lựa chọn hoặc thiết kế được tiêu chuẩn, tiêu chí đúng, cụ thể, rõ ràng phù hợp với mục đích TĐG, mục tiêu học tập, đảm bảo được các yêu cầu cơ bản: đầy đủ; lượng giá được.</li> <li>- Trong ĐGĐĐ, các tiêu chuẩn và tiêu chí là thường do GV cùng HS xác định hoặc nhóm HS xác định để lựa chọn hoặc xây dựng công cụ ĐGĐĐ phù hợp.</li> </ul>
<i>Lựa chọn/xây dựng các công cụ ĐGĐĐ phù hợp</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn những loại công cụ khác nhau như câu hỏi, bài tập, bảng hỏi, bảng kiểm (rubrics), checklist... phù hợp với mục đích, nội dung, phương pháp ĐGĐĐ cụ thể dựa trên các tiêu chuẩn và tiêu chí ĐG đã được xác định.</li> <li>+ Lựa chọn có hệ thống câu hỏi, bài tập, bài báo cáo, thang đo định lượng... cho ĐG về mức độ lĩnh hội kiến thức tùy thuộc nội dung;</li> <li>+ Lựa chọn checklist, rubrics, thang đo định tính... để xác định KN, thái độ của bản thân đối với hoạt động học tập.</li> <li>- HS xây dựng các công cụ ĐG phù hợp với mục đích ĐG dưới sự hướng dẫn và thống nhất với GV.</li> <li>- HS cùng nhau xây dựng công cụ ĐG cho nhóm.</li> </ul>
<i>Thực hiện ĐG, thu thập, xử lý thông tin, tạo thông tin phản hồi phù hợp</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo dõi các hoạt động học tập của bạn học để thu thập thông tin làm cơ sở cho việc ĐG: Theo dõi bạn làm bài kiểm tra, kết quả bài kiểm tra; quan sát tham gia hoạt động nhóm; quan sát quá trình thực hành thí nghiệm; theo dõi bạn thuyết trình, báo cáo; theo dõi bạn qua quá trình thực hiện các dự án học tập...</li> <li>- Tìm kiếm, lựa chọn các thông tin từ các dữ liệu phù hợp với mục đích ĐG. Nguồn dữ liệu: diễn biến hoạt động học tập, kết quả học tập, hồ sơ học tập, thông tin từ thầy cô...</li> <li>- Đối chiếu thông tin thu được với chuẩn đã xác định.</li> <li>+ Dùng công cụ là thang đo định lượng để đối chiếu các thông tin sự kiện (trình độ kiến thức);</li> <li>+ Dùng các công cụ như thang đo định tính, phiếu hỏi, checklist, rubrics để đối chiếu với các thông tin biểu tượng (KN, thái độ);</li> <li>+ Xác định mức độ đạt được (tức là mức thể hiện NL của bạn học trong một tình huống ĐG) của các tiêu chí ĐG.</li> <li>- So sánh thông tin thu thập được từ bạn học với các tiêu chuẩn để đưa ra thông tin phản hồi về: thành quả bạn đạt được, xác định hạn chế của bạn học, xác định điểm mạnh của bạn học.</li> <li>- Đưa ra thông tin phản hồi chính xác, cụ thể, chi tiết; ngôn ngữ diễn đạt dễ hiểu, thân thiện, có tính xây dựng tạo với người được ĐG một không khí tin tưởng, an toàn (không đe dọa, không gây áp lực và không làm tổn thương bạn học).</li> </ul>
<i>Ra quyết định, rút ra bài kinh nghiệm và đề xuất biện pháp khắc phục</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định những nguyên nhân chính gây ra hiện trạng về thành tích học tập của bạn;</li> <li>- Học hỏi từ ưu điểm của bạn;</li> <li>- Rút kinh nghiệm và rút ra bài học từ những sai lầm mà bạn mắc phải.</li> <li>- Đưa ra quyết định phù hợp điều chỉnh việc học.</li> <li>- Đề xuất các biện pháp khắc phục điểm yếu, khó khăn mà bạn mắc phải làm thay đổi thực trạng theo hướng mục tiêu học tập đã đề ra.</li> <li>- Đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng việc học.</li> </ul>

(Xem tiếp trang 53)

hợp nội môn sẽ là điều vô cùng cần thiết, nhằm đáp ứng tốt cho việc đổi mới giáo dục phổ thông đang triển khai.

\* \* \*

Trên cơ sở phân tích chương trình đào tạo chuyên ngành *Sinh học* tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, có một số kiến thức bị chồng chéo và trùng lặp giữa các học phần. Bài viết đề xuất một số giải pháp tích hợp nội môn, sắp xếp các kiến thức *Sinh học* một cách có hệ thống. Việc thực hiện tích hợp nội môn là điều kiện tốt cho việc tích hợp liên môn và giảng dạy *Sinh học* với vị trí là môn học tự chọn độc lập hoặc là thành phần kiến thức của môn *Khoa học tự nhiên ở trường phổ thông*. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2015). *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể (trong Chương trình giáo dục phổ thông mới)*.  
[2] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-*

*NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.

- [3] Bộ GD-ĐT (2015). *Phát triển chương trình đào tạo giáo viên phổ thông - Nhóm ngành tự nhiên* (dùng cho giảng viên ngành Sư phạm Sinh học). Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông về phát triển chương trình đào tạo.  
[4] Tưởng Duy Hải - Đỗ Hương Trà (2016). *Mô hình đào tạo bồi dưỡng năng lực dạy học tích hợp các môn khoa học cho sinh viên sư phạm*. Tạp chí Giáo dục, số 376, tr 57-61.  
[5] Đỗ Hương Trà (chủ biên) (2015). *Dạy học tích hợp - Phát triển năng lực học sinh* (Quyển 1 - Khoa học tự nhiên). NXB Đại học Sư phạm.  
[6] Vũ Phương Liên (2015). *Dạy học tích hợp các môn Khoa học tự nhiên tại trường trung học phổ thông*. Tạp chí Giáo dục, số 370, tr 41-43.

## Cấu trúc năng lực đánh giá,...

(Tiếp theo trang 33)

hình thành cho HS. Đây là NL cơ bản để HS có thể tự học suốt đời, tự rèn luyện bản thân hiện tại luôn luôn biến động. Khi có thông tin từ kết quả TĐG, ĐGĐĐ của HS, GV sẽ ĐG kết quả học tập của HS chính xác hơn. Do đó, việc xác định được cấu trúc NL TĐG và ĐGĐĐ là cơ sở quan trọng để rèn luyện các NL này cho HS trong dạy học tại trường trung học phổ thông. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Xavier Roegiers (1996). *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nhà trường*. NXB Giáo dục.  
[2] Bộ GD-ĐT (2015). *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.  
[3] Tim S. Roberts (2006). *Self - Peer and Group Assessment in E-Learning*. Central Queensland University, Bundaberg, Australia.  
[4] Theo Andrade H - Du Y (2007). *Student responses to criteria-referenced self-Assessment*. *Assessment and Evaluation in Higher Education*, 32 (2), 159-181.  
[5] Andrade H. and Valtcheva A. (2009). *Promoting Learning and Achievement through Self Assessment*. *Theory into Practice*, Vol 48, pp. 12-19.  
[6] Falchikov N. (1995). *Peer feedback marking: developing peer assessment*. *Innovations in Education and Training International*, 32, 175-187.  
[7] Theo Keith Topping (1998). *Peer Assessment between Students in Colleges and Universities*. *Review of Educational Research*, Vol. 68, No. 3 (Autumn, 1998), pp. 249-276. Published by: American Educational Research Association.

## Hệ thống bài tập phân biệt...

(Tiếp theo trang 36)

cực học tập cho HS và nâng cao chất lượng giờ học. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Văn Thung - Lê A (1994). *Ngữ pháp tiếng Việt*. NXB Trường Đại học Sư phạm.  
[2] Bùi Văn Huệ (1997). *Tâm lý học tiểu học*. NXB Giáo dục.  
[3] Diệp Quang Ban (chủ biên) - Hồng Dân (2000). *Ngữ pháp Tiếng Việt*. NXB Giáo dục.  
[4] Cao Xuân Hạo - Lý Trường Hiếu (2002). *Lỗi ngữ pháp và cách khắc phục*. NXB Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh.  
[5] Trần Thị Hiền Lương (2008). *Bài tập rèn kỹ năng sử dụng câu Tiếng Việt cho học sinh tiểu học*. NXB Giáo dục.  
[6] Lê Phương Nga - Đặng Kim Nga (2001). *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*. NXB Giáo dục.  
[7] Hoàng Trọng Phiến (1980). *Ngữ pháp Tiếng Việt - Câu*. NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp.